HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31 /2026/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân có lồng, bè nuôi thủy sản, bè để ở bị giải tỏa trên các tuyến sông thuộc phường Trấn Biên và phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và Nghị định số 385/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật quy định chính sách hỗ trợ giải tỏa lồng, bè nuôi thủy sản, bè để ở trên các tuyến sông thuộc phường Trấn Biên và phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 166/BC-BKTNS ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân có lồng, bè nuôi thủy sản, bè để ở bị giải tỏa trên các tuyến sông thuộc phường Trấn Biên và phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân có lồng, bè nuôi thủy sản, bè để ở bị giải tỏa trên các tuyến sông thuộc phường Trấn Biên và phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi thủy sản bằng lồng, bè (bao gồm trường hợp ở trên bè hoặc không ở trên bè).

b) Hộ gia đình, cá nhân ở trên bè nhưng không trực tiếp nuôi thủy sản bằng lồng, bè.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bè là kết cấu nổi trên mặt nước tương tự nhà tạm gồm: hệ thống khung bè, vật liệu, phao tạo nổi, sàn bè và các bộ phận liên quan như cột kèo gỗ, vách tôn hoặc ván tạp, mái tôn, nền láng xi măng, lát gạch hoặc ván gỗ, dùng làm nơi ở, phục vụ sinh hoạt hoặc nơi chứa vật liệu phục vụ cho nuôi thủy sản.

2. Lồng nuôi thủy sản là kết cấu gồm: hệ thống khung chịu lực (bằng kim loại, gỗ hoặc các vật liệu khác), phao nâng, lưới hoặc vật liệu bao quanh tạo thành không gian chứa thủy sản, được đặt hoặc treo trong môi trường nước dùng để nuôi thủy sản.

3. Việc phân định lồng, bè làm căn cứ xác định hạng mục tài sản và mức hỗ trợ căn cứ vào kết cấu, công năng và hiện trạng thực tế tại thời điểm kiểm kê, được Ủy ban nhân dân cấp phường kiểm tra, xác nhận.

4. Công trình phụ trợ gồm các hạng mục thiết yếu như: nhà trông coi (chòi canh), khu chứa dụng cụ và thức ăn, khu vực chứa (chất thải, xăng dầu), nhà vệ sinh.

5. Hộ gia đình có thể gồm một hoặc nhiều người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

6. Nhân khẩu thuộc hộ gia đình là những người có tên trong cùng sổ cư trú của hộ gia đình, gồm những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật và đang thực tế sinh sống chung cùng hộ gia đình; việc xác định số nhân khẩu trong hộ gia đình tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ và nguyên tắc hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ: Các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được xem xét hỗ trợ các chính sách quy định tại Nghị quyết này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Thuộc danh sách điều tra, kiểm kê của Ủy ban nhân dân phường Trấn Biên, Ủy ban nhân dân phường Long Hưng đến ngày 05/8/2026;

b) Có đơn đề nghị hỗ trợ và cam kết chấp hành tháo dỡ lồng, bè nuôi thủy sản, bè để ở và được Ủy ban nhân dân phường Long Hưng hoặc Ủy ban nhân dân phường Trấn Biên xác nhận;

c) Chấp hành việc tháo dỡ lồng, bè nuôi thủy sản, bè để ở và các công trình phụ trợ theo thông báo của Ủy ban nhân dân phường Trấn Biên, Ủy ban nhân dân phường Long Hưng; thực hiện bàn giao khu vực mặt nước sau khi hoàn thành

tháo dỡ và được Ủy ban nhân dân phường xác nhận bằng biên bản trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định cưỡng chế.

2. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí tháo dỡ lồng, bè, công trình phụ trợ và di chuyển tài sản, vật kiến trúc, thuê nhà ở, ổn định đời sống, đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và hỗ trợ tiếp cận nhà ở xã hội, tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi an sinh xã hội;

b) Mỗi hộ gia đình, cá nhân chỉ được xem xét hỗ trợ một lần khi đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ theo từng chính sách quy định tại Nghị quyết này;

c) Việc hỗ trợ thực hiện công khai, minh bạch, đúng đối tượng, điều kiện và định mức được quy định tại Nghị quyết này.

Điều 4. Hỗ trợ tháo dỡ lồng, bè và di chuyển tài sản

1. Hỗ trợ một phần chi phí cho các hộ gia đình được quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này để tháo dỡ lồng, bè, công trình phụ trợ và di chuyển tài sản.

2. Mức hỗ trợ là: 6.000.000 đồng/hộ.

Điều 5. Hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc

1. Hỗ trợ một phần giá trị tài sản, vật kiến trúc của lồng, bè nuôi thủy sản, bè để ở cho các hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Mức hỗ trợ:

a) Mức hỗ trợ đối với bè: 450.000 đồng/m^2 bè;

b) Mức hỗ trợ đối với lồng nuôi thủy sản: 200.000 đồng/m^2 lồng;

c) Chỉ hỗ trợ theo hiện trạng các lồng, bè phát sinh trước ngày 05/8/2026, không hỗ trợ các phần diện tích được cơi nới, lồng, bè phát sinh sau ngày 05/8/2026. Trong trường hợp trên cùng diện tích mặt nước có cả lồng và bè (trường hợp bên dưới sàn bè có gắn lồng nuôi thủy sản) thì chỉ được chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

3. Phương pháp xác định bằng cách đo đạc diện tích lồng, bè làm căn cứ tính hỗ trợ gồm: diện tích bè tính theo diện tích sàn, diện tích lồng được tính theo chiều dài lớn nhất, chiều rộng lớn nhất của khung lồng và được đo thủ công trực tiếp bằng thước đo hoặc thiết bị đo phù hợp theo quy định:

a) Diện tích bè được xác định theo diện tích sàn bè thực tế, đo theo mép ngoài kết cấu sàn bè. Đối với sàn bè hình chữ nhật hoặc hình vuông, diện tích được tính bằng chiều dài nhân chiều rộng; trường hợp sàn bè có hình dạng không đều thì chia thành các phần hình học đơn giản để đo, tính diện tích từng phần và cộng lại. Không tính diện tích khoảng trống, phần mặt nước không có kết cấu sàn bè;

b) Diện tích lồng được xác định theo diện tích hình chiếu bằng của khung lồng thực tế. Đối với lồng hình chữ nhật hoặc hình vuông, diện tích được tính bằng chiều dài nhân chiều rộng; trường hợp lồng có hình dạng khác thì xác định

diện tích theo hình dạng thực tế. Mỗi khoang nuôi có kết cấu bao quanh tạo thành không gian nuôi riêng biệt được kiểm đếm là một lồng nuôi;

c) Công tác kiểm đếm và xác lập hồ sơ: Việc đo đạc được thực hiện trực tiếp tại hiện trường bằng thước đo hoặc thiết bị đo phù hợp, có sự tham gia và ký xác nhận của đại diện chủ sở hữu lồng, bè. Biên bản kiểm đếm phải ghi rõ số lượng, kích thước, diện tích, kết cấu và hiện trạng sử dụng của từng lồng, bè; kèm theo hình ảnh hiện trạng; đồng thời phải được đối chiếu với danh sách điều tra, kiểm kê hiện trạng ban đầu đã được xác lập, bảo đảm không tính hỗ trợ đối với phần diện tích phát sinh, cơi nới sau thời điểm quy định. Kết quả kiểm đếm phải được Ủy ban nhân dân phường kiểm tra, xác nhận và làm căn cứ lập phương án hỗ trợ.

Điều 6. Hỗ trợ thuê nhà ở

1. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian di chuyển, ổn định chỗ ở mới đối với hộ gia đình được quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này không có nhà ở (thuộc quyền sở hữu) trên địa bàn phường nơi đặt lồng, bè nuôi thủy sản, bè để ở theo quy định hiện hành.

2. Mức hỗ trợ là 8.000.000 đồng/hộ/tháng. Mỗi bè sử dụng làm nơi ở chỉ được xem xét hỗ trợ tiền thuê nhà cho 01 hộ gia đình.

3. Thời gian hỗ trợ: 06 tháng (sáu tháng).

Điều 7. Hỗ trợ ổn định đời sống

1. Mỗi nhân khẩu thuộc các hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ ổn định đời sống với mức 4.500.000 đồng/nhân khẩu cho thời gian 06 tháng.

2. Kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống được chi trả một lần theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp

1. Đối tượng: Người trong độ tuổi lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, có nhu cầu học nghề, đáp ứng đủ điều kiện về sức khỏe, trình độ học vấn phù hợp với nghề đăng ký đào tạo được hỗ trợ đào tạo nghề để chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm và ổn định sinh kế.

2. Nội dung hỗ trợ:

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đào tạo nghề; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí và tiền đi lại trong thời gian tham gia khóa học; tư vấn, giới thiệu việc làm sau đào tạo theo quy định;

b) Mỗi người lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo nghề một lần theo Nghị quyết này. Trường hợp người lao động đồng thời thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo các chương trình, đề án khác thì chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất; không hỗ trợ trùng lặp từ ngân sách nhà nước.

3. Mức hỗ trợ đào tạo nghề (trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng), tiền ăn, sinh hoạt phí và tiền đi lại áp dụng theo mức quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Phương thức chi trả kinh phí:

a) Kinh phí đào tạo nghề (học phí) được ngân sách nhà nước thanh toán cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đơn vị tổ chức đào tạo theo hợp đồng đặt hàng đào tạo; căn cứ trên số lượng học viên thực tế hoàn thành khóa học và được cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc giấy chứng nhận đào tạo;

b) Tiền ăn, sinh hoạt phí và tiền đi lại được chi trả trực tiếp cho người lao động sau khi hoàn thành khóa học, căn cứ theo số ngày tham gia học tập thực tế;

c) Trường hợp khóa đào tạo được tổ chức trong thời điểm Nghị quyết còn hiệu lực và hoàn thành sau khi Nghị quyết này hết hiệu lực thì vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 9. Hỗ trợ tiếp cận nhà ở xã hội

1. Đối tượng: Hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, không có nhà ở, đất ở thuộc quyền sở hữu hợp pháp trên địa bàn phường nơi đặt lồng, bè nuôi thủy sản, bè để ở và có nhu cầu về nhà ở.

2. Nội dung hỗ trợ:

a) Được cung cấp thông tin về các dự án nhà ở xã hội, quỹ căn hộ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đăng ký mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội theo quy định;

b) Được xem xét giải quyết theo thứ tự ưu tiên, không phải thực hiện bốc thăm lựa chọn trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng hình thức bốc thăm nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện được mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Điều 10. Hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi và chính sách an sinh xã hội

Hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để giải quyết việc làm, sản xuất kinh doanh, mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội theo quy định cho vay hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và được hỗ trợ tham gia các chương trình giảm nghèo, an sinh xã hội và giải quyết việc làm của địa phương.

Điều 11. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết này do ngân sách thành phố bảo đảm và được huy động từ các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 11 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027 trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 8 Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa I, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành của thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam 02 phường: Trấn Biên và Long Hưng;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phố);
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Tôn Ngọc Hạnh